

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 15 - 6 - 2020

V/v: tranh chấp tài sản sau ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Từ Thị Hải Dương

Các Thẩm phán: Ông Trần Hữu Sỹ

Ông Võ Bá Lưu

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kiều Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình: Ông Nguyễn Anh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 07/2020/TLPT-HNGĐ ngày 07/02/2020 về việc “tranh chấp tài sản sau ly hôn”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/HNGĐ-ST ngày 03/01/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 573/2020/QĐ-PT ngày 04/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Tiểu P, sinh năm 1963

Trú tại: Thôn n, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Hoàng Thị Tiểu P luật sư Trần Cảnh A - Văn phòng Luật sư Trần Cảnh A thuộc đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng; Địa chỉ: số nhà k, đường H P, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

2. Bị đơn: Ông Lê Xuân C, sinh năm 1963

Trú tại: Thôn n, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Hoàng Thanh H, sinh năm 1964; Trú tại: Thôn n, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt

- Chị Lê Hoàng Thảo V, sinh năm 1994; Trú tại: Thôn n, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt

- Anh Lê Nhật Qu, sinh năm 1996; Trú tại: Thôn n, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án như sau:

** Nguyên đơn bà Hoàng Thị Tiểu P trình bày:*

Bà và ông Lê Xuân C kết hôn vào ngày 16/8/1993, có hai con chung. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn nên đã thuận tình ly hôn. Theo Quyết định số 64/2019/QĐST-HNGĐ ngày 09/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới thì ông bà thỏa thuận tự chia tài sản. Tuy nhiên sau khi ly hôn ông, bà đã không thỏa thuận được nên bà làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Theo bà P thì tài sản chung của bà và ông C gồm:

- 01 ngôi nhà 2 tầng chưa lợp mái xây dựng năm 2007, diện tích xây dựng 100m² mỗi tầng được xây dựng trên một phần thửa đất do Ủy ban nhân dân xã Lộc Ninh xác nhận năm 1992 cho hai chị em bà Hoàng Thị Tiểu P và em trai là ông Hoàng Thanh H, hai bên có khuôn viên riêng diện tích đất ông Hoàng Thanh H là 178,6m², diện tích đất bà 379,5m².

- Mái hiên khung sắt lợp tôn diện tích 35m².

- Một bộ bàn ghế gỗ lim

* Theo bà P thì tài sản riêng của bà gồm có: 01 thửa đất số 48, tờ bản đồ số 25 diện tích 379,5m² là của bà mua trước thời kỳ hôn nhân (theo đơn xin cấp đất làm nhà ở của xã xác nhận 1992). Hiện bà đã làm nhà 5m mặt tiền, còn lại 5m mặt tiền là của hai chị em gồm bà và ông H.

* Một số tài sản khác như 01 tủ gỗ, ti vi, tủ lạnh, máy giặt bà P không yêu cầu giải quyết

Nguyện vọng của bà là được sở hữu ngôi nhà 02 tầng, mái hiên khung lợp tôn diện tích 35m², một bộ bàn ghế gỗ lim và giao tiền chênh lệch tài sản cho ông C 50% giá trị. Diện tích thửa đất số 48, tờ bản đồ số 25 diện tích 379,5m² bà mua trước thời kỳ hôn nhân là của riêng bà, xây nhà 5 mét, 5 mét còn lại của bà và ông H em bà.

** Phía bị đơn ông Lê Xuân C tại các phiên hòa giải trình bày:*

Tài sản chung của ông C bà P gồm 01 ngôi nhà 02 tầng ông xây dựng năm 2007 nằm trên thửa đất số 48, tờ bản đồ số 25 diện tích 379,5m² mặt tiền 10m (đã làm nhà 5m còn lại 5m) địa chỉ tại thôn 16, xã Lộc Ninh, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguồn gốc đất ông với bà P sống với nhau từ năm 1991 đến 16/8/1993 mới kết hôn, đất do ông và bà P mua, ông đưa cho bà P 01 chỉ vàng và 900.000 đồng. Sau khi kết hôn ông ở trên thửa đất đó từ trước cho đến nay còn bà P bỏ đi từ năm 2013 đến năm 2019. Nay ông yêu cầu Tòa án chia tài sản nói trên nhằm để cho con ở khi nào có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì sẽ chia 4 phần cho ông, bà P và hai con. Tuy nhiên tại các biên bản hòa giải ông C không ký.

Tại phiên tòa ông C cho rằng nhà và đất nêu trên là của riêng bản thân ông không phải của bà P. Ông không yêu cầu chia tài sản nói trên, khi nào có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông sẽ yêu cầu chia.

** Ý kiến của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Hoàng Thanh H trình bày: Năm 1991 hai chị em ông và bà P có đơn xin hợp tác xã Phú Xá, Lộc Ninh xin đất để làm nhà vì gia đình đông anh em. Năm 1992 được hợp tác xã xác nhận vào đơn xin cấp đất có mặt trước 15m, do không hiểu pháp luật nên đơn đứng tên bà P, theo thỏa thuận bà P 10m mặt trước, ông 5m mặt trước hiện địa chính xã Lộc Ninh đã tách riêng. Tại phiên tòa sơ thẩm ông H cho rằng phần đất 379,5m² mặt trước 10m bà P đã làm nhà 5m còn lại 5m là của ông và bà P.

- Chị Lê Hoàng Thảo V (con ông C và bà P) trình bày: Chị V từ nhỏ được biết mảnh đất là của gia đình, về tài sản của ba mẹ giải quyết theo pháp luật chị không có ý kiến gì.

- Anh Lê Nhật Qu (con ông C và bà P): Tòa án triệu tập nhưng không có mặt nên không có ý kiến.

Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/HNGĐ-ST ngày 03/01/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã quyết định:

Áp dụng Điều 33, 34, 59, 62 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 213, 219 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 28, 35, 39; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Tiểu P yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn.

2. Xác định ngôi nhà 02 tầng diện tích mỗi tầng là 100m², có giá trị 400.000.000 đồng; mái che bằng tôn phía trước nhà có giá trị 7.000.000 đồng; một bộ bàn ghế gỗ lim có giá trị 20.000.000 đồng; Diện tích sử dụng đất là 379,5m²; trong đó đất ở 200m² có giá trị 1.077.300.000 đồng, đất vườn 179,5m² có giá trị 6.282.500 đồng. Tổng giá trị tài sản là 1.510.582.000 đồng là tài sản chung của ông C và bà P để chia.

3. Giao cho ông Lê Xuân C được quyền sử dụng với diện tích đất 200,5m², trong đó đất ở 100m²; đất vườn 100,5m², được tách từ thửa đất số 48, tờ bản đồ số 25, trong tổng diện tích 379,5m², theo đơn xin cấp đất làm nhà ở mang tên bà Hoàng Thị Tiểu P viết ngày 27/6/1991, được ban quản lý HTX Phú Xá xác nhận ngày 18/02/1992, UBND xã Lộc Ninh xác nhận ngày 20/02/1992; địa chỉ thửa đất tại xã Lộc Ninh, thành phố Đồng Hới và sở hữu một ngôi nhà 02 tầng là 100m²; một mái che làm bằng tôn diện tích 35m²; các tài sản trên nằm trên diện tích đất 200,5m² và một bộ bàn ghế gỗ lim.

Diện tích đất 200,5m² của ông C có tứ cận và kích thước như sau:

- Phía Đông Bắc giáp đường Lý Thánh Tông có kích thước 5,02m
- Phía Tây Nam giáp thửa đất số 43 có kích thước 5,26m
- Phía Đông Nam giáp thửa đất chia cho bà P có kích thước 36,14m
- Phía Tây Bắc giáp thửa đất số 49 và thửa đất số 42 có kích thước 34,01 + 6,08m

Giá trị tài sản của ông C được giao tính thành tiền là 969.167.500 đồng

4. Giao cho bà Hoàng Thị Tiểu P được quyền sử dụng phần diện tích đất còn lại phần không có nhà ở diện tích 179m², trong đó đất ở 100m², đất vườn 79m², được tách từ thửa đất số 48, tờ bản đồ số 25 trong tổng diện tích 379,5m², theo đơn xin cấp đất làm nhà ở mang tên bà Hoàng Thị Tiểu P viết ngày 27/6/1991, được Ban quản lý Hợp tác xã Phú Xá xác nhận ngày 18/02/1992,

UBND xã Lộc Ninh xác nhận ngày 20/02/1992 địa chỉ thửa đất tại xã Lộc Ninh, thành phố Đồng Hới.

Diện tích đất 179m² của bà P có tứ cận và kích thước như sau:

- Phía Đông Bắc giáp đường Lý Thánh Tông có kích thước 4.95m
- Phía Tây Nam giáp thửa đất số 43 có kích thước 4.95m
- Phía Đông Nam giáp thửa đất số 45 có kích thước 36.14m
- Phía Tây Bắc giáp thửa đất chia cho ông C có kích thước 36.14m

Giá trị tài sản bà P được giao tính thành tiền là 541.415.000 đồng

5. Buộc ông Lê Xuân C phải giao tiền chênh lệch tài sản cho bà Hoàng Thị Tiểu P số tiền 322.234.500 đồng.

6. Không chấp nhận yêu cầu của bà Hoàng Thị Tiểu P cho rằng thửa đất số 48, tờ bản đồ số 25, diện tích 379,5m² đất, địa chỉ thửa đất tại xã Lộc Ninh, trong đó có ½ diện tích đất phía không có nhà là của bà P và ông H, diện tích ½ phần đất phía có nhà của riêng bà P.

7. Không chấp nhận yêu cầu của ông Hoàng Thanh H cho rằng thửa đất số 48, tờ bản đồ số 25, diện tích 379,5m² đất, địa chỉ thửa đất tại xã Lộc Ninh, trong đó có ½ diện tích đất phía không có nhà là của ông H và bà P.

8. Không chấp nhận yêu cầu của ông Lê Xuân C cho rằng thửa đất số 48, tờ bản đồ số 25, diện tích 379,5m² đất, địa chỉ thửa đất tại xã Lộc Ninh và một nhà hai tầng nằm trên thửa đất là tài sản riêng của ông C và hai con chung là chị V, anh Qu.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và tuyên quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

* Ngày 13/01/2020 bà Hoàng Thị Tiểu P có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết 379,5m² đất là tài sản riêng của bà có trước hôn nhân được bà và em trai mua chung năm 1991 vì không hiểu pháp luật nên đứng tên bà. Mảnh đất đó không liên quan đến ông C được UBND xã xác nhận. Là một phụ nữ bà muốn được hưởng hiện vật là ngôi nhà để sinh sống ổn định và bù tiền chênh lệch cho ông C.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn bà Hoàng Thị Tiểu P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên kháng cáo. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo vì thửa đất đang tranh chấp là tài sản có trước khi bà P kết hôn với ông C; Bà P chưa có văn bản nào đồng ý sáp nhập tài sản riêng thành tài sản chung của vợ chồng; Đề nghị Tòa xem xét đến quyền lợi của phụ nữ để giao nhà cho bà P sử dụng, bà P sẽ giao tiền chênh lệch tài sản cho ông C.

Bị đơn ông Lê Xuân C vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình:

+ Về tố tụng: Trong quá trình tiến hành tố tụng, giải quyết vụ án người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: Không chấp nhận nội dung kháng cáo của bà Hoàng Thị Tiểu P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Thẩm quyền giải quyết, người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, giải quyết, thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Ông C và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do nên Toà xét xử vắng mặt những người này theo khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

Xét kháng cáo của bà Hoàng Thị Tiểu P về yêu cầu cho rằng 379,5m² đất là tài sản riêng của bà có trước hôn nhân được bà và em trai mua chung năm 1991, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà P có đơn xin cấp đất viết ngày 27/6/1991 được Ban quản lý hợp tác xã xác nhận ngày 18/02/1992, cán bộ địa chính xã và Chủ tịch UBND xã Lộc Ninh xác nhận ngày 20/02/1992 nhưng không đóng dấu tên của Chủ tịch. Đến ngày 07/10/1997 được UBND xã Lộc Ninh xác nhận chữ ký là của ông Ngô Khánh H chủ tịch trước đây. Theo giấy xác nhận thì diện tích đất là 300m². Tuy nhiên hiện nay ông C, bà P và ông H đồng ý tách cho ông H 178,6m² và diện tích đất bị thu hồi giải tỏa đường quốc lộ 1A là 22,5m². Diện tích còn lại của bà P được cấp ban đầu là 119,6m². Ông C và bà P kết hôn năm 1993, sinh sống ổn định trên thửa đất từ đó cho đến nay, hiện tại trên đất có ngôi nhà 2 tầng làm từ năm 2007. Năm 2003 bà P đi làm ăn xa, ông C là người trực tiếp sinh sống cùng hai con trên mảnh đất đó, là người trực tiếp quản lý đất và không ngừng mở rộng diện tích. Quá trình giải quyết vụ án ông C trình bày ông đưa cho bà P 900.000 đồng và 01 chỉ vàng để mua thửa đất nói trên, còn bà P cho rằng thời gian đi làm việc ở Đài Loan bà có gửi tiền về cho ông C 600.000.000 đồng để xây nhà nhưng cả ông C và bà P đều không xuất trình được chứng cứ chứng minh. Do vậy, mặc dù thửa đất có trước khi ông C và bà P kết hôn và bà P chưa có văn bản đồng ý sáp nhập vào tài sản chung của vợ chồng nhưng sau khi kết hôn, ông C bà P cùng nhau xây nhà, sinh sống trên mảnh đất này, không phản đối việc coi đó là tài sản chung của vợ chồng; quá trình chung sống và cả thời gian bà P đi nước ngoài làm ăn, ông C và các con đều sử dụng mảnh đất này, mở rộng thêm diện tích 259m² so với diện tích còn lại của thửa đất bà P được cấp năm 1991 là 119,6m². Do đó án sơ thẩm xác định thửa đất số 48, tờ bản đồ số 25, diện tích 379,5m² là tài sản chung của ông C bà P là có căn cứ. Hơn nữa khi phân chia giá trị tài sản là quyền sử dụng đất, án sơ thẩm đã xem xét về công sức đóng góp của bà P trong việc tạo lập đất ở lớn hơn ông C; Ông C là người có công sức trong việc bảo quản, giữ gìn, tôn tạo làm tăng diện tích của thửa đất nên đã phân chia cho bà P được hưởng 60% giá trị về đất, ông C hưởng 40% giá trị về đất là đã xem xét thoả đáng quyền lợi của đôi

bên. Vì vậy không chấp nhận yêu cầu của bà P cho rằng thửa đất số 48, tờ bản đồ số 25, diện tích 379,5m² là tài sản của riêng bà.

Đối với yêu cầu được ở ngôi nhà và bù tiền chênh lệch tài sản cho ông C của bà P, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ngôi nhà hai tầng làm trên một phần của thửa đất số 48 là tài sản chung của ông C, bà P, cả hai ông bà đều có nhu cầu được sử dụng. Tuy nhiên, xét điều kiện thực tế thì ông C cùng các con đã ở ổn định lâu dài trong ngôi nhà, chăm sóc, nuôi dưỡng các con trong suốt thời gian bà P đi làm ăn ở nước ngoài cho đến nay, hiện tại ông C không có chỗ ở nào khác, bà P đang ở nhà bố mẹ bà P, vì vậy Toà cấp sơ thẩm giao nhà hai tầng cho ông C và ông C có nghĩa vụ giao tiền chênh lệch cho bà P là hoàn toàn phù hợp.

Xét thấy án sơ thẩm xử là có căn cứ do đó không chấp nhận nội dung kháng cáo này của bà P.

[3]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Hoàng Thị Tiểu P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 33, 34, 59, 62 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 213, 219, khoản 3 Điều 296 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Hoàng Thị Tiểu P, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/HNGĐ-ST ngày 03/01/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án bà Hoàng Thị Tiểu P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006261 ngày 16/01/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi đối với số tiền còn chưa thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- TAND Tp Đồng Hới;
- Chi cục THADS Tp Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Từ Thị Hải Dương